

nép vào mạn thuyền và ra lệnh cho thuyền rút mau. Chúng đóng đen cả cánh đồng rồi nã tất cả các cỡ súng vào làng. Từng tràng, từng tràng đạn bắn, đến nổi cây cối gần như trụi lá⁽¹⁾. Cả một vùng vang tiếng súng. Chỗ thẳm Tây bị bắn là giếng Lập, nay chỗ đó vẫn còn tên gọi như vậy.

Đêm ấy, Đê Yêm cho treo lên nóc đình một ngọn đèn và cho ông từ đánh trống rền đến sáng. Địch cứ nhòm ngọn đèn mà bắn vào. Còn nghĩa quân thì ung dung rút về làng Thụy Xuyên (tên Nôm là làng Thượng, xã Ngọc Sơn, cùng huyện) bằng thuyền⁽²⁾.

Ngày hôm sau, tức là ngày thứ 3, kể từ lúc nghĩa quân đến, dân làng Mã Nã bồng bế con cái lên ngôi chùa ở đầu làng để ẩn. Trống trong đình thôi không đánh nữa. Mặt trời lên cao.

⁽¹⁾ Có một thuyết nói về Đê Yêm cho cửa rui, rút mấy viên ngói trên mái đình rồi nã bắn.

⁽²⁾ Có người nói lúc rút quân, Đê Yêm làm như sau: Cho buộc con dê vào cái cột tre, cột buộc hai cái dùi để trên mặt trống: con dê cứ giật dây để chạy, thành ra cái cột tre bị lay luôn nên dùi cứ mặt trống mà khua. Nghĩa quân rút mà địch không biết. Nhưng việc này có lẽ ông từ đánh trống thì đúng hơn.

Giặc Pháp vẫn dập dồn, không dám vào làng. Sau đó chúng cho quân kéo vào đầu làng, nhưng rất dè dặt và sợ sệt. Chúng xua lính khố xanh đi trước đến gốc đê, cách chùa một cái sân và một góc vườn, ước chừng 25 m. Nó cho lính bắn vào chùa để xem động tĩnh. Một tiếng kêu thét lên. Một người trong chùa bị trúng đạn, chính là con bà từ Cầu. Đạn còn trúng cả vào tượng Phật trong chùa. Lúc ấy trong đình đầy đàn bà, trẻ con không chạy được mới kéo nhau lên đây. Bà đội Xúc, quê ở Vân Đình (Hà Đông) xuống đây buôn bán mới kêu to lên: “trong này chỉ có đàn bà và trẻ con thôi, đừng bắn”. Mọi người kêu khóc âm ĩ nên chúng thôi không bắn nữa. Chúng phái hai tên lính vào dò xem thực hư và hỏi xem có còn “giặc” ở trong làng hay không. Hỏi đi hỏi lại thật kỹ rồi chúng mới dám tiến vào làng. Từng tốp, từng tốp rụt rè, lấm lét nhìn ngang liếc dọc. Một tiếng động nhỏ, chúng cũng rúm lại với nhau và lên đạn lách cách. Bỗng tên đi đầu thụt xuống báo cho đồng bọn chuẩn bị chiến đấu. Bất ngờ, một người mặc áo tơ lá đi ra. Bọn lính cuống cuồng, hấp tấp nấp vào hai bên cổng nhà dân. Chúng nắm chắc cò súng rồi cho

một thằng ra hỏi. Thằng này hôm thì hỏi nhưng tay súng run lên bần bật. Thì ra người mặc áo tôi nói trên chỉ là một người dân bình thường. Mấy thằng Tây lại tiếp tục thúc lính tiến vào sâu trong xóm. Lâu lắm chúng mới vào được trong làng. Mấy hôm sau Tây bắt tất cả dân làng ra triệt hạ ngôi đình, gõ thì chở về Phủ Lý. Ngôi đình làng Mã Nào bây giờ là do dân làng làm về sau này.

Ở miền Bắc nước ta, mỗi năm vào độ đầu xuân, từ cuối tháng giêng sang đầu tháng ba, người miền ngược đổ về, người miền Đông đổ sang, miền xuôi kéo ngược, nườm nượp chảy về phía Tây tỉnh Hà Đông để “*Dạo cảnh chùa Hương ngắm nước non*”, sau đó đến chợ Đục Khê, xuống Phú Yên, vào chùa Tuyết; chỗ nào cũng có sơn, có thủy, có hang, có động. Trong một cuốn sách do Ty văn hóa – thông tin tỉnh Hà Đông xuất bản đã giới thiệu thắng cảnh Hương Sơn và chùa Tuyết Sơn như sau:

“Chùa Tuyết Sơn thuộc hệ thống chùa Hương Tích, nhưng nằm khuất mãi ở giữa vùng núi rừng

trùng điệp. Từ xưa, chùa Tuyết Sơn đã nổi tiếng là nơi cảnh đẹp, linh thiêng. Phan Huy Chú trong cuốn sách “Lịch triều hiến chương loại chí” đã viết: “Tuyết Sơn có nhiều lượt núi cao, trong núi có động rất đẹp. Trong động có nhũ đá rủ xuống, chông chập hiện ra, coi như một dãy tán, cảnh trí xanh tốt âm u...”

Trên cửa động Tuyết Sơn có ba chữ lớn “Ngọc Long Động” (Động con rồng ngọc), tương truyền là Tĩnh vương Trịnh Sâm đề. Trong động có nhũ đá, đẹp như ổ rồng, cây bạc và pho tượng Phật tạc vào đá.

Trịnh Tĩnh Vương có đề thơ ở đây”.

Như vậy là ta mới biết Tuyết Sơn về phương diện phong cảnh, lịch sử, còn về vị trí quân sự của nó thì chưa mấy ai chú ý đến. Có chăng người nào tò mò sẽ biết thêm được ở đây có câu phương ngôn nói lên những điểm đặc điểm của mấy làng trong vùng này là: “Gái Hội Xá, cá Phú Yên, tiền Yên Vĩ”.

Làng Hội Xá có nhiều con gái đẹp, làng Yên Vĩ thu được nhiều tiền đồ sỏi, vì khách đi trẩy hội Chùa Hương rất đông. Còn làng Phú Yên có cửa sa bắt được nhiều cá, vì đến mùa mưa, nước sông

Hồng trần về sông Đáy suốt từ Ba Thá đổ xuôi, nước cũng như cá xuôi theo chân dãy núi từ Hòa Bình đổ về đến Phú Yên mới có lối ra sông Đáy. Làng Phú Yên lại có Tuyết Sơn, một vị trí quân sự liên quan đến lịch sử chống Pháp của Việt Nam mà con mắt Đê Yên đã nhìn thấy cách đây ngót một trăm năm. Sau đó, Tuyết Sơn cũng vẫn là nơi dựng binh của các nhà yêu nước chống Pháp. Năm 1917, một cánh quân 16 người của Đội Cấn nổi dậy ở Thái Nguyên kéo về đây. Hồi Nhật sắp đảo chính Pháp (9/3/1945), một cánh quân Pháp, kể cả lính Tây và lính khố đỏ đóng ở Nam Định đã bỏ trại kéo theo đường đồng lên Hà Nam rồi vào Tuyết Sơn, đi xuyên qua Hòa Bình. Hồi kháng chiến chống Pháp, tỉnh đội Hà Đông đã lấy Tuyết Sơn làm căn cứ địa. Lúc đánh Pháp ở đồn Yên Vĩ, ta cũng lấy Tuyết Sơn làm nơi đồn trú của bộ đội và dân công.

Tuyết Sơn có một ngôi chùa ở trong động, từ thung lên cao chừng vài chục thước. Trước động là một cái thung, đi từ chùa Bảo Đài vào đây là 1 km, từ động vào trong cũng dài bằng từ Bảo Đài vào động. Diện tích thung này bây giờ nhân dân vỡ hoang trồng trọt trên 100 mẫu Bắc bộ (mỗi mẫu có 3.600m²).

Vào Tuyết Sơn ngoài con đường chính phải qua chùa Bảo Đài ra còn 2 con đường nữa: một là Cổng Đại ra lối cánh đồng Yên Vĩ, Đục Khê; hai là quèn Gánh Gạo qua quèn Côm, núi Vua, qua núi Kính Lão ngược lên mạn Hoà Bình hay suối Chi Lê (Hoà Bình), Nho Quan (Ninh Bình). Còn phía trong cùng thung có núi đá vôi đứng thẳng như tường. Hồi đó, đường vào rậm rạp, khúc khuỷu, gập ghềnh. Lối chính vào chùa Bảo Đài, đến chỗ đường hẹp, hai bên vách đá, mỗi bên một người cầm ngọn giáo đứng canh không ai có thể qua được. Địa hình này thật là “một người giữ ải, vạn người bó tay”. Thuở ấy, thực dân Pháp chưa có máy bay, lợi dụng địa thế hiểm yếu này, nghĩa quân Đề Yêm sau khi rút đến làng Thụy Xuyên, ra sông Đáy, rồi kéo ngược đoàn thuyền, gồm cả ván lẫn thuyền nan có trống rong, cờ mở. Người ngồi đầu mũi thuyền cầm lá cờ là Nguyễn Văn Quang, người làng Vĩnh Sơn (Kim Bảng) lúc dò chảy qua, người làng đều thấy cả.

Đến gần Phú Yên, đoàn thuyền chia làm 2 cánh: một kéo vào cuối làng Phú Yên, một đi ngược

ngòi vào Đục Khê, Hội Xá. Dân làng lúc đầu do không hiểu nên nhìn thấy nghĩa quân sợ quá, bỏ chạy, nhất là quan viên hai họ đang dự đám cưới cô tống Ngem ở Đục Khê bỏ cả cỗ bàn. Hai cánh quân đi vòng kiềng gặp nhau ở đình Phú Yên. Lúc ấy, vào cuối tháng 8 (âm lịch) năm 1881. Nghĩa quân đóng ở đây 5 ngày có tổ chức hát chèo cho dân làng xem. Trước khi kéo vào Tuyết Sơn có làm lễ tế cờ. Một tiểu đội đóng ở đình này. Rồi lệnh “cấm cửa” được ban bố, nghĩa là chỉ những nghĩa sĩ mới được ra vào. Còn người thường thì cấm hẳn, không được vào. Nghĩa quân đặt giấy đi các nơi chiêu mộ nghĩa dũng và lấy lương thực của các nhà giàu có. Nhân dân các làng xung quanh hưởng ứng rất sôi nổi. Hàng chục người được cử vào phục vụ nghĩa quân. Trong lúc nghĩa quân thiếu người cấp dưỡng, lập tức cụ Đình Văn Phê và mấy cụ bô lão nữa ở Đục Khê tình nguyện xin vào làm.

Nghĩa quân vào đến Tuyết Sơn liền bắt tay vào việc xây đồn, đắp lũy, đào hào. Hiệp Cường – một tướng của Đề Yên được chỉ định chỉ huy việc này.